

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị H** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1993.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã H, H1ện B, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Ông **Vũ Khắc H**, Luật sư - Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: thành phố Hà Nội. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Huy N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Đ, xã A, H1ện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn H1 N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An, H1ên N, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/8/2016. Sau khi kết hôn anh N tiếp tục sang Nhật Bản làm ăn còn chị ở lại gia đình nhà chồng để sinh con. Thời gian hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không chung thủy với chị, anh đã có người phụ nữ khác ở Nhật Bản. Từ đó anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không quan tâm, không liên lạc với nhau. Gia đình hai bên đã kHIên bảo hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị đã đưa con về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn H1 N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/01/2017, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang sinh sống tại Quảng Bình nên chị ủy quyền cho ông Vũ Khắc H1 thay mặt chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh N nên Tòa án đã tiến hành xác M tại gia đình anh N. Bà Lê Thị Bích H (là mẹ anh N) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh N ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh N vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh N biết. Thông qua gia đình anh N trình bày không mong muốn vợ chồng ly hôn, tuy nhiên trong cuộc sống chị H thường nghi ngờ anh dẫn đến vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhật M, anh không yêu cầu tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà H có quan điểm: trong thời gian chung sống chị H hay nghi ngờ anh N, bà nhiều lần kHIên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị.

Tòa án xác M tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh N đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn anh N tiếp tục đi làm ăn ở nước ngoài, chị H sinh sống tại gia đình nhà chồng. Địa phương không nắm bắt được cụ thể mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào, tuy nhiên từ giữa năm 2017 chị H1ên đã đưa con về nhà đẻ ở, anh N hiện vẫn chưa về nước, vợ chồng chủ yếu sống xa nhau,

tình cảm vợ chồng không được vun đắp, gắn bó. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn H1 N. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật M cho chị H nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn H1 N có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại đội 3, thôn Đa Đình, xã An Bình, H1ện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Hiện anh đang cư trú tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh N ở Nhật Bản. Tòa án đã đề nghị gia đình anh N cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh N và gia đình đã thông báo cho anh N biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh N, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H là ông Vũ Khắc H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi Hội đồng xét xử Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn H1 N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, H1ện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 17/8/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau và thường xảy ra xô xát, cãi vã, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình kH1ên bảo hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Năm 2016 anh N đi xuất

khẩu lao động ở Nhật Bản, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Thông qua gia đình, anh N không mong muốn vợ chồng ly hôn nhưng anh không đưa ra biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ, chị H cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 20/01/2017, hiện con đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại anh N đang lao động ở Nhật Bản, không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh N cũng có quan điểm nhất trí để chị H nuôi con và không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Nhật M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị H không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh N có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H ly hôn anh Nguyễn H1 N.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhật M, sinh ngày

20/01/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004613 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn H1 N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã A, H1ện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường